

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST

Ngày: 14-3-2025

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân
huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh
Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số
590/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng
02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 10/3/2025,
giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn C: Anh Nguyễn Duy C1,
sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Phước Bảo T, sinh năm 1971 (có mặt);

- Bà Lê Kim C2, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người làm chứng:* Bà Cao Thị T1, sinh năm 1970 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đặng
Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn C là anh Nguyễn Duy
C1 trình bày:*

Do quen biết nhau nên ngày 24/9/2021 âm lịch, nhằm ngày 29/10/2021 dương
lịch, ông Đặng Văn C có cho vợ chồng anh Nguyễn Phước Bảo T, chị Lê Kim C2
vay số tiền 90.000.000 đồng. Vợ chồng anh T, chị C2 đã nhận đủ số tiền, đồng thời
anh T, chị C2 có viết giấy xác nhận sự việc trên cùng ngày và ký tên. Hai bên thỏa
thuận thời hạn vay tiền là 01 tháng kể từ ngày 29/10/2021. Nhưng từ khi vay tiền

đến nay anh T, chị C2 không trả cho ông C. Ông C có liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng anh T, chị C2 cứ hứa hẹn mà không trả. Hiện nay ông C không liên hệ được với anh T, chị C2.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phước Bảo T và chị Lê Kim C2 trả cho ông C số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 29/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, theo đơn khởi kiện ông C yêu cầu ông T, bà C2 trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng nay ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 29/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tính tròn 40 tháng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Theo bản tự khai ngày 05/3/2025 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Phước Bảo T trình bày:

Tôi thừa nhận nội dung Giấy mượn tiền ngày 29/4/2021 âm lịch do tôi tự viết, tôi và vợ tôi là Lê Kim C2 ký tên. Trước đây tôi và ông C có thỏa thuận ông C lấy phần đất tôi thuê trồng mít để canh tác trừ vào số nợ nhưng nay ông C lại khởi kiện đòi lại số tiền tôi và bà C2 vay của ông C. Nay ông C khởi kiện, tôi đồng ý trả lại ông C số tiền 90.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả lãi.

- Bị đơn bà Lê Kim C2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại bản tự khai ngày 14/3/2025 bà C2 trình bày:

Vợ chồng bà có hỏi tiền của ông C với lãi suất 50.000 đồng/tháng/triệu đồng, có đóng lãi đầy đủ. Sau đó giữa bà và ông C có thỏa thuận ông C lấy phần đất trồng mít khoảng 03 công của gia đình bà thuê để trừ nợ. Bà nghĩ mọi chuyện đã giải quyết xong nhưng nay ông C lại khởi kiện nên bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét vì hiện nay gia đình bà gặp nhiều khó khăn.

- Người làm chứng bà Cao Thị T1 có đơn xin vắng mặt nhưng tại tờ tự khai ngày 08/3/2025 bà T1 trình bày: ông Nguyễn Phước T, bà Lê Kim C2 có vay tiền của ông Đặng Văn C là đúng sự thật, tôi có chứng kiến và ký tên việc vay tiền trên.

Tại phiên tòa anh C1 là người đại diện theo ủy quyền của ông C thay đổi yêu cầu về lãi suất, yêu cầu ông T, bà Kim C2 trả số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 29/10/2021 dương lịch với lãi suất 0,83%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn là 40 tháng. Bị đơn ông T đồng ý trả lại số tiền vốn gốc đã vay là 90.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, xin không trả lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Kim C2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim C2.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Đặng Văn C khởi kiện yêu cầu ông T, bà Kim C2 trả số tiền vay nên Hội đồng xét xử

xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà Kim C2 cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Theo “Giấy mượn tiền” do ông C cung cấp thể hiện ngày 24/9/2021 âm lịch (tức ngày 29/10/2021 dương lịch) ông T, bà Kim C2 có vay của ông C số tiền 90.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 05/3/2025 và tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận Giấy mượn tiền này do ông viết, ông và bà Kim C2 cùng ký tên. Đối với bà Kim C2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện nhưng bà Kim C2 không có ý kiến phản đối đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tại bản tự khai ngày 14/3/2025 bà Kim C2 cũng thừa nhận bà và ông T có vay tiền của ông C. Do đó có căn cứ xác định ông T, bà Kim C2 có vay của ông C số tiền 90.000.000 đồng.

[3.2] Đối với ý kiến của bà Kim C2 tại bản tự khai ngày 14/3/2025 và tại phiên tòa ông T trình bày giữa ông C và ông T, bà Kim C2 có thỏa thuận ông T, bà Kim C2 giao cho ông C canh tác khoảng 03 công đất trồng mít để hai bên trừ số tiền đã vay của ông C. Xét thấy ý kiến này của bị đơn đưa ra sau khi Tòa án đã công khai chứng cứ và có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày này của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố do đó nếu bị đơn có tranh chấp về hợp đồng thuê đất này thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[3.3] Tại bản tự khai ngày 14/3/2025 của bà Kim C2 và tại phiên tòa ông T trình bày trong quá trình vay tiền của ông C thì ông T và bà Kim C2 có trả lãi cho ông C. Lời trình bày này của ông T, bà Kim C2 không được người đại diện theo ủy quyền của ông C thừa nhận, đồng thời ông T, bà Kim C2 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc có trả lãi nên không có căn cứ xem xét nội dung trình bày này của ông T, bà Kim C2.

[3.4] Về lãi: Mặc dù khi cho vay, giữa ông C và ông T, bà Kim C2 không thỏa thuận về lãi suất nhưng ông T, bà Kim C2 vay tiền của ông C, ông C đã liên hệ đòi nợ nhiều lần nhưng ông T, bà Kim C2 không trả. Nay ông C yêu cầu ông T, bà Kim C2 trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng (tức 10%/năm) từ ngày vay tiền là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian tính lãi từ ngày 29/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu tính tròn 40 tháng là có lợi cho bị đơn.

Tiền lãi được tính như sau: 90.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 40 tháng = 29.880.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của ông T xin được trả dần số nợ theo hình thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi không được phía nguyên đơn đồng ý do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Ông C đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà Kim C2 trả lại số tiền vay nhưng ông T, bà Kim C2 không thực hiện là vi phạm hợp đồng, có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Từ các phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông C là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C.

Buộc ông Nguyễn Phước Bảo T và bà Lê Kim C2 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn C 90.000.000 đồng tiền vốn gốc và 29.880.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền ông Nguyễn Phước Bảo T và bà Lê Kim C2 phải trả cho ông C là 119.880.000 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Phước Bảo T và bà Lê Kim C2 phải chịu 5.994.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Đặng Văn C 3.594.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0002811 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: ông C, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Kim C2 có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang